TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST Ngày: 23-10-2018. "V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng.
2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Số A, đường B, tổ C, khóm D, phường E, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Lê Văn P, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Số A, đường B, tổ C, khóm D, phường E, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

(*Chị M có mặt, anh P vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Phương M trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương M và anh Lê Văn P kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Tháp ngày 14/11/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc. Đến năm 2008, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng do con còn nhỏ nên chị M nhẫn nhịn và khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình, lo cho con trưởng thành. Thời gian gần đây, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng cao, anh P thường xuyên sử dụng những lời lẽ thiếu tế nhị để xúc phạm và gây tổn thương cho chị M, anh P thường xuyên khủng bố tinh thần chị M bằng cách lăng mạ hoặc bạo lực liên tục. Chị M không còn sức chịu đựng, ảnh hưởng đến tâm sinh lý, cũng như học hành của con. Nay chị M nhận thấy không còn tình cảm với anh P nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh P.

Con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 15/01/2004 và Lê Nguyễn Thành H, sinh ngày 15/01/2008, hiện con chung đang sống với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Lê Văn P, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên Tòa hôm nay không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương M và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Lê Văn P có địa chỉ tại phường E, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Lê Văn P hiện đang có mặt tại nơi cư trú, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị M và anh P được xác lập vào năm 2001, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Tháp ngày 14/01/2001 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa hôm nay, chị M cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh P, anh P không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh P cũng không có mặt để trình bày ý kiến của anh về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M và anh P có nhiều mâu thuẫn kéo dài do bất đồng quan điểm. Năm 2017, chị M có gửi đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu được ly hôn với anh P nhưng do anh P hứa sửa chữa sai sót và được Tòa án giải thích, động viên nên chị M rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên từ tháng 9/2017 đến nay, chị M và anh P nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, hai bên không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chị M được ly hôn với anh P.

[3] Xét con chung**:** Chị M và anh P có 02 con chung tên Lê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 15/01/2004 và Lê Nguyễn Thành H, sinh ngày 15/01/2008, hiện 02 con chung đang sống chung với chị M. Tại phiên tòa, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh P không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến về việc nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi mới sinh ra, hai con chung sống với chị M, anh P thường xuyên đi làm xa nhà nên mọi việc chăm sóc và dạy bảo hai con chung đều do chị M làm, con chung sống với mẹ sẽ thuận lợi cho việc học tập và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng sống cháu T và cháu H tại văn bản ý kiến ngày 14/8/2018. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị M yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án án đối với 01 con chung, thời gian cấp dưỡng tình từ tháng 10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh P không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị M là người trực tiếp nuôi con, anh P không trực tiếp nuôi con nên anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung khi ly hôn là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình. Căn cứ theo khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng " *Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có*

nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết". Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng bằng ½ tháng mức lương cơ sở đối với 01 con tương ứng với thời gian thi hành án, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 10/2018 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Xét tài sản chung: Tại phiên tòa, chị M trình bày vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh P không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Xét nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị M trình bày vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ nhưng anh P không có mặt để trình bày về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Lê Văn P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương M, chị Nguyễn Thị Phương M được ly hôn với anh Lê Văn P.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương M, chị Nguyễn Thị Phương M được tiếp tục nuôi 02 con chung tên tên Lê Nguyễn

Thanh T, sinh ngày 15/01/2004 và Lê Nguyễn Thành H, sinh ngày 15/01/2008, hiện hai con chung đang sống với chị M.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị M, buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án đối với 01 con chung, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 10/2018 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Phương M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003405 ngày 28/5/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Chị Nguyễn Thị Phương M có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn P có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Trinh